

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/NQ-PVIBH

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế Quản trị rủi ro của Tổng công ty Bảo hiểm PVI

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động của Tổng công ty Bảo hiểm PVI số 63 GP/KDBH ngày 28/06/2011 và các Giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Bảo hiểm PVI ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-PVIBH ngày 26/02/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm PVI;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-PVIBH ngày 26/02/2025;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI tại Tờ trình số 40/TTr-BĐH ngày 21/02/2025;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu 04/BB-PLYK-HĐTV ngày 21/03/2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm PVI;

Căn cứ công văn số 347/PVI-PCTT&QTRR ngày 11/04/2025 của Công ty Cổ phần PVI,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê duyệt ban hành kèm theo Nghị quyết này **Quy chế Quản trị rủi ro** của Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, thay thế Quy chế đã ban hành kèm theo Quyết định số 193/QĐ-PVIBH ngày 18/03/2022.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc, Trưởng Ban KSTT&QTRR, Chánh văn phòng, Trưởng phòng Pháp chế chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- PVI (để báo cáo);
- TV HĐTV, KSV (để biết);
- Lưu VT, HĐTV, 2.



DƯƠNG THANH FRANCOIS

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

QUY CHẾ QUẢN TRỊ RỦI RO

Tháng 4/2025



QUY CHẾ QUẢN TRỊ RỦI RO TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-PVIBH ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

MỤC LỤC

Chương I	3
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1: Mục đích của Quy chế	3
Điều 2: Đối tượng và phạm vi áp dụng	3
Điều 3: Giải thích từ ngữ và từ viết tắt	3
Điều 4: Áp dụng các quy định có liên quan	4
Điều 5: Quy định về cập nhật	4
Chương II	5
CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO	5
Điều 6: Cấu trúc quản trị rủi ro	5
Điều 7: Mô hình tổ chức quản trị rủi ro	5
Chương III	6
VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC TRONG CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO BẢO HIỂM PVI	6
Điều 8: Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Thành viên, Ban điều hành trong hệ thống quản trị rủi ro	6
Điều 9: Vai trò và trách nhiệm của Giám đốc Rủi ro (“CRO”)	6
Điều 10: Vai trò và trách nhiệm của Tuyến số 1	7
Điều 11: Vai trò và trách nhiệm của Tuyến số 2	7
Điều 12: Vai trò và trách nhiệm của Tuyến số 3	8
Điều 13: Phối hợp giữa Tuyến số 1 và Tuyến số 2	8
Điều 14: Phối hợp giữa Tuyến số 2 và Tuyến số 3	8
Chương IV	9
KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO	9
Điều 15: Yêu cầu về quản trị rủi ro	9
Điều 16: Hệ thống văn bản quy định nội bộ về quản trị rủi ro	9
Điều 17: Danh mục rủi ro trọng yếu của Bảo hiểm PVI	9
Điều 18: Khẩu vị rủi ro	10
Điều 19: Quy trình quản trị rủi ro	11
Điều 20: Văn hóa quản trị rủi ro	12

Chương V	13
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	13
Điều 21: Khen thưởng.....	13
Điều 22: Xử lý vi phạm	13
Điều 23: Tổ chức thực hiện	13

Qua 

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích của Quy chế

Quy chế này quy định các nguyên tắc chung trong công tác quản trị rủi ro được áp dụng thống nhất và phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược của PVI và Bảo hiểm PVI.

Quy chế Quản trị rủi ro là cơ sở để xây dựng hệ thống chính sách, cơ cấu tổ chức và phương pháp luận nhằm nhận diện, đo lường, kiểm soát và giám sát các loại rủi ro trọng yếu tại Bảo hiểm PVI.

Điều 2: Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng tại Tổng công ty Bảo hiểm PVI. Ban Điều hành Bảo hiểm PVI có trách nhiệm triển khai hoạt động quản trị rủi ro trong tất cả các hoạt động quản lý-kinh doanh phù hợp với các quy định tại Quy chế này và đảm bảo tuân thủ tất cả các yêu cầu của Quy chế Quản trị rủi ro của PVI, các quy định của pháp luật.

Điều 3: Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

3.1. Giải thích từ ngữ.

- *Bảo hiểm PVI*: là Tổng công ty Bảo hiểm PVI được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 63 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 28/06/2011.
- *Rủi ro*: là các sự kiện không chắc chắn, có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh, có khả năng gây ra tổn thất tài chính và phi tài chính, làm giảm doanh thu, lợi nhuận, ảnh hưởng đến nguồn vốn hoặc hạn chế khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh.
- *Khẩu vị rủi ro*: là cách ứng xử của Bảo hiểm PVI thể hiện các loại và mức độ rủi ro được Bảo hiểm PVI chấp nhận/không chấp nhận để đạt được mục tiêu, chiến lược kinh doanh. Khẩu vị rủi ro được thể hiện thông qua các tuyên bố về mức độ, giới hạn được chấp nhận/không chấp nhận, các chính sách và các kế hoạch, biện pháp nhằm kiểm soát, duy trì rủi ro ở mức độ phù hợp.
- *Rủi ro trọng yếu*: bao gồm nhóm rủi ro bảo hiểm, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro đối tác, rủi ro chiến lược và các rủi ro khác theo đánh giá của Bảo hiểm PVI là có tác động trọng yếu đến an toàn tài chính và hiệu quả hoạt động của Bảo hiểm PVI.
- *Quản trị rủi ro*: Là hệ thống cơ cấu tổ chức, quy chế, quy định, quy trình được thiết lập nhằm nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro trong hoạt động của Bảo hiểm PVI.
- *Quản lý rủi ro*: Là quá trình áp dụng có hệ thống các biện pháp, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ nhằm nhận diện, đánh giá, đo lường, giám sát, kiểm soát và báo cáo thường xuyên/đột xuất những rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- *Văn hóa quản trị rủi ro*: là giá trị văn hóa của Bảo hiểm PVI, thể hiện sự nhận thức thống nhất về tầm quan trọng của hoạt động quản trị rủi ro của Hội đồng Thành viên, Tổng giám đốc và các cá nhân, bộ phận trong Bảo hiểm PVI.
- *Hệ thống ba tuyến*: Là hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp xây dựng dựa trên Mô hình ba tuyến, trong đó: tuyến thứ 1 là các Ban chức năng tại Bảo hiểm PVI; tuyến thứ 2 là Ban Kiểm soát tuân thủ và Quản trị rủi ro; tuyến thứ 3 là Ban Kiểm toán nội bộ Bảo hiểm PVI.

3.2. Từ viết tắt.

- HĐTV : Hội đồng Thành viên Bảo hiểm PVI
- TGD : Tổng giám đốc
- CRO : Giám đốc Rủi ro
- QTRR : Quản trị rủi ro
- QLRR : Quản lý rủi ro
- KVRR : Khẩu vị rủi ro
- ĐVTV : Các công ty bảo hiểm, Văn phòng đại diện trực thuộc Bảo hiểm PVI
- KTNB : Kiểm toán nội bộ
- KT&QTRR : Kiểm toán và Quản trị rủi ro
- KSTT&QTRR: Kiểm soát Tuân thủ và Quản trị rủi ro

Điều 4: Áp dụng các quy định có liên quan

Hoạt động QTRR của Bảo hiểm PVI được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, quy định tại văn bản này và các văn bản quy định nội bộ khác có liên quan của Bảo hiểm PVI từng thời kỳ.

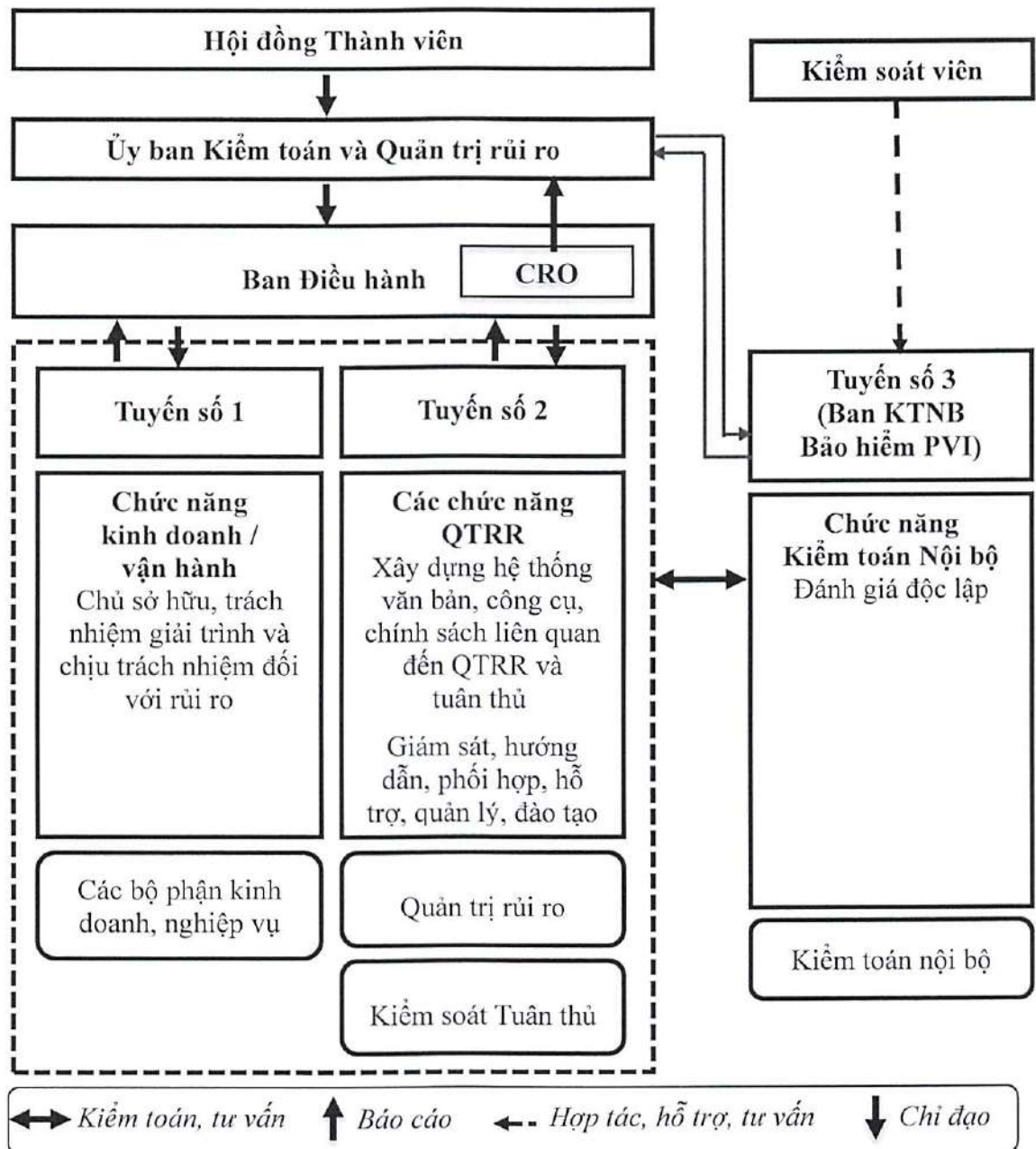
Điều 5: Quy định về cập nhật

Quy chế này phải được rà soát tối thiểu mỗi năm 1 lần và thực hiện cập nhật trong trường hợp có sự thay đổi đáng kể về đánh giá rủi ro, cơ cấu tổ chức, thông tin thị trường hoặc phát sinh thêm các lĩnh vực, sản phẩm kinh doanh mới.

Chương II CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 6: Cấu trúc quản trị rủi ro

Cấu trúc QTRR của Bảo hiểm PVI được xây dựng và thiết lập trên cơ sở các nguyên tắc: (i) Áp dụng mô hình ba tuyến, (ii) Phân chia chức năng nhiệm vụ rõ ràng giữa các bộ phận và (iii) Đảm bảo phù hợp với hoạt động kinh doanh của Bảo hiểm PVI. Hoạt động quản trị rủi ro của Bảo hiểm PVI tuân theo cấu trúc sau:



Điều 7: Mô hình tổ chức quản trị rủi ro

Mô hình tổ chức QTRR tại Bảo hiểm PVI tuân theo mô hình ba tuyến, bao gồm tuyến số 1, tuyến số 2 và tuyến số 3 trong đó:

- **Tuyến số 1:** Chủ sở hữu rủi ro là các Ban chức năng/ĐVTV thuộc Bảo hiểm PVI làm nhiệm vụ kinh doanh hoặc vận hành, hỗ trợ kinh doanh. Chủ sở hữu rủi ro là đối tượng nhận diện, tiếp nhận rủi ro và chịu trách nhiệm với những rủi ro phát sinh, có

nhiệm vụ QLRR thông qua việc đánh giá, áp dụng các biện pháp kiểm soát tại các quy trình nghiệp vụ, báo cáo và theo dõi các rủi ro.

- **Tuyến số 2:** Hỗ trợ và giám sát các vấn đề liên quan đến rủi ro, chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống văn bản, công cụ, chính sách liên quan đến QTRR. Hướng dẫn, phối hợp với Tuyến 1 trong hoạt động QTRR. Ban KSTT&QTRR chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện chức năng này tại Bảo hiểm PVI.
- **Tuyến số 3:** Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ. Ban KTNB Bảo hiểm PVI thực hiện chức năng này.

Chương III

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC TRONG CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO BẢO HIỂM PVI

Điều 8: Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Thành viên, Ban Điều hành trong hệ thống quản trị rủi ro

8.1. Trách nhiệm của Hội đồng Thành viên

- Định hướng chiến lược và giám sát cấp cao đối với việc vận hành hệ thống QTRR nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả theo kỳ vọng của cổ đông.
- Thiết lập cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống QTRR, ban hành tuyên bố khẩu vị rủi ro hàng năm.

8.2. Trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro HĐQT

- Tham vấn cho Hội đồng Thành viên trong việc xây dựng khẩu vị rủi ro, quy chế, quy định về quản trị rủi ro và phê duyệt các báo cáo quản trị rủi ro.
- Giám sát việc thực hiện quản trị rủi ro đảm bảo tính liên tục và thống nhất.
- Giám sát tính độc lập, khách quan và năng lực của chức năng kiểm toán nội bộ.

8.3. Trách nhiệm của Ban Điều hành

- Tổ chức thực hiện hoạt động QTRR phù hợp khẩu vị rủi ro và các quy định tại Quy chế này.
- Triển khai các nghị quyết của HĐQT liên quan đến quản trị rủi ro;
- Phê duyệt ban hành các quy định, quy trình về QTRR phù hợp các quy định tại Quy chế này.

Điều 9: Vai trò và trách nhiệm của Giám đốc Rủi ro (“CRO”)

Giám đốc Rủi ro (CRO) là người điều hành cao nhất và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng Thành viên trong công tác QTRR của Bảo hiểm PVI. Các trách nhiệm chính của CRO bao gồm:

- Chỉ đạo việc xây dựng quy định, quy trình QTRR của Bảo hiểm PVI phù hợp với các chiến lược, chính sách quy định tại Quy chế này;
- Chỉ đạo thực hiện rà soát và đề xuất chỉnh sửa các quy định, quy trình định kỳ hàng năm hoặc đột xuất phù hợp với hoạt động kinh doanh của Bảo hiểm PVI.
- Xây dựng yêu cầu về nguồn nhân lực phù hợp với Quy chế QTRR;
- Xây dựng yêu cầu về dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động QTRR;

- Giám sát hoạt động QTRR hàng ngày, đảm bảo tính liên tục và thống nhất;
- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo TGD, HĐTV về kết quả hoạt động QTRR;
- Đề xuất và chịu trách nhiệm về nội dung các cuộc họp của Ban điều hành về chủ đề QTRR bao gồm thảo luận về tình hình QTRR doanh nghiệp, các rủi ro có tính nghiêm trọng và rủi ro mới xuất hiện của Bảo hiểm PVI;
- Thúc đẩy nâng cao văn hóa QTRR trong hoạt động kinh doanh của Bảo hiểm PVI thông qua các hình thức đào tạo, truyền thông các chủ đề về QTRR.

Điều 10: Vai trò và trách nhiệm của Tuyến số 1

Văn phòng, Ban chức năng, ĐVTV thực hiện các nhiệm vụ sau đây trong quá trình QLRR:

- Nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giám sát và báo cáo các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động;
- Sử dụng các phương pháp và công cụ giám sát trong quá trình QLRR;
- Kiến nghị, đề xuất các ngưỡng rủi ro và giới hạn về rủi ro;
- Kiến nghị, đề xuất các biện pháp ứng phó với các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.

Điều 11: Vai trò và trách nhiệm của Tuyến số 2

Ban KSTT&QTRR có chức năng chính là xây dựng hệ thống QTRR, giám sát và kiểm soát rủi ro một cách độc lập nhưng không thực hiện chức năng QLRR của Tuyến số 1. Các trách nhiệm chính bao gồm:

- Tham mưu cho Ban Điều hành trong việc xây dựng chiến lược, chính sách, quy chế về QTRR;
- Tư vấn, tham mưu cho Giám đốc Rủi ro trong công tác QTRR của Bảo hiểm PVI
- Đầu mối xây dựng quy định, quy trình QTRR của Bảo hiểm PVI phù hợp với các chiến lược, chính sách quy định tại Quy chế này;
- Giám sát việc thực hiện QTRR đảm bảo tính liên tục và thống nhất.
- Thiết lập các chính sách, phương pháp, công cụ quản lý và đo lường trong hoạt động QTRR.
- Đưa ra những chỉ dẫn và hướng dẫn các Ban chức năng/ĐVTV về cách thức thực hiện chính sách và chương trình QTRR.
- Giám sát tất cả các rủi ro ở cấp doanh nghiệp bao gồm giám sát các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng cho toàn hệ thống Bảo hiểm PVI và các rủi ro hoạt động trọng yếu.
- Theo dõi và báo cáo về tình hình rủi ro và các vấn đề liên quan.
- Giám sát việc thực hiện KVR và các hạn mức được phê duyệt bởi HĐTV/ Ban Điều hành Bảo hiểm PVI.
- Xác nhận kết quả đánh giá rủi ro được tiến hành bởi các Ban chức năng/ĐVTV
- Đầu mối tổng hợp các báo cáo về rủi ro từ các Ban/ĐVTV; lượng hóa, khuyến nghị các biện pháp xử lý rủi ro, báo cáo Ban Điều hành, Ủy ban KT&QTRR Bảo hiểm PVI.
- Tham gia và báo cáo về chủ đề QTRR trong các cuộc họp Ban Điều hành, Ủy ban KT&QTRR, HĐTV.
- Tham gia vào nội dung đánh giá rủi ro đối với các vấn đề trọng yếu trong hoạt động

kinh doanh của Ban Điều hành bao gồm các quyết định có ảnh hưởng trọng yếu tình hình tài chính, chiến lược, danh tiếng và các vấn đề khác của Bảo hiểm PVI.

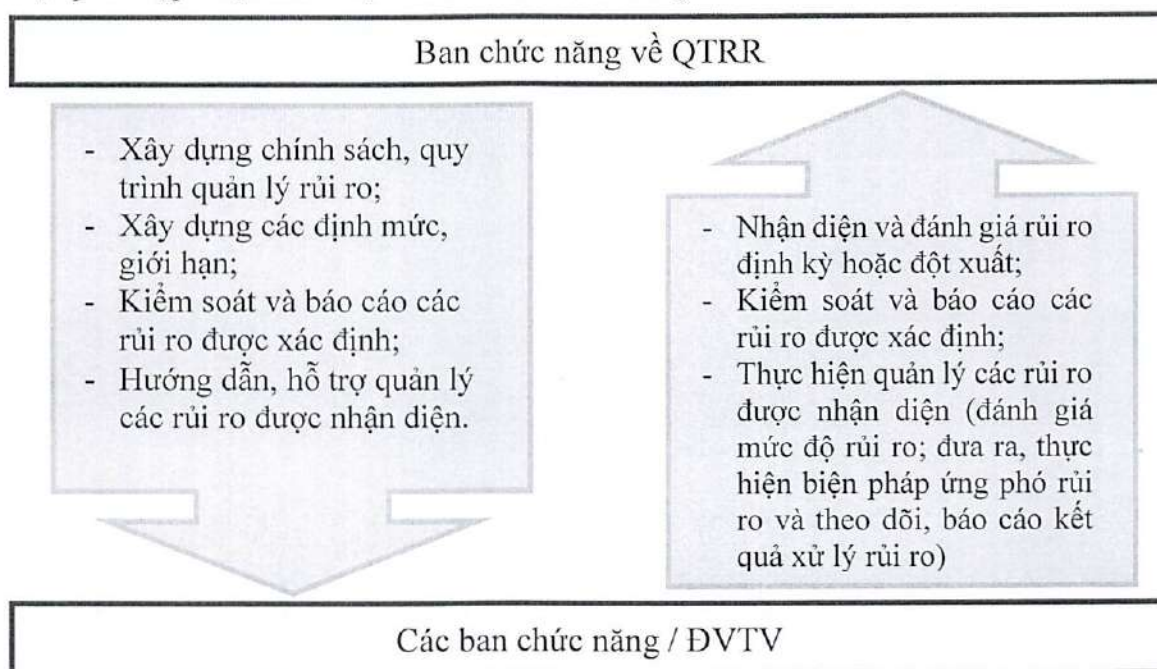
- Lập các báo cáo quản trị rủi ro định kỳ hàng quý gửi Ban Điều hành, Ủy ban KT&QTRR, theo yêu cầu của PVI và Bộ Tài chính.

Điều 12: Vai trò và trách nhiệm của Tuyến số 3

Tuyến số 3 tại Bảo hiểm PVI là Ban KTNB chịu trách nhiệm thực hiện chức năng KTNB theo các quy chế, quy định có liên quan về KTNB do Bảo hiểm PVI và PVI ban hành.

Điều 13: Phối hợp giữa Tuyến số 1 và Tuyến số 2

- Các Văn phòng/Ban chức năng, ĐVTV đóng vai trò là Tuyến số 1, chịu trách nhiệm thực hiện QLRR trong lĩnh vực, chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo các rủi ro phát sinh trong các lĩnh vực hoạt động được quản lý kịp thời, hiệu quả; thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất gửi Ban KSTT&QTRR các rủi ro trọng yếu cần được theo dõi ở cấp độ doanh nghiệp.
- Ban KSTT&QTRR sẽ căn cứ kết quả công tác thực hiện QLRR ở Tuyến số 1 và đưa ra các điều chỉnh, cập nhật chính sách, quy trình QTRR nếu cần.
- Dựa vào kết quả của báo cáo của Tuyến số 1, Ban KSTT&QTRR đưa ra kế hoạch hỗ trợ, tư vấn cho Tuyến số 1 trong hoạt động quản lý rủi ro và đưa ra các phương án ứng phó đối với các rủi ro trọng yếu được theo dõi tại cấp Tổng công ty.
- Việc phối hợp được minh họa theo mô hình dưới đây:



Điều 14: Phối hợp giữa Tuyến số 2 và Tuyến số 3

Kiểm toán nội bộ sử dụng báo cáo quản trị rủi ro của Tuyến số 1 và Tuyến số 2 như một yếu tố tham khảo trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán.

Chương IV

KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 15: Yêu cầu về quản trị rủi ro

Bảo hiểm PVI thực hiện quản lý rủi ro với 03 tuyến, đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Xây dựng và phát triển môi trường quản lý rủi ro minh bạch, công khai trong toàn hệ thống Bảo hiểm PVI. Quản lý các rủi ro trọng yếu trong hoạt động kinh doanh của Bảo hiểm PVI;
- Nhận diện đầy đủ, đo lường, theo dõi thường xuyên để kịp thời phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro trọng yếu;
- Kiểm soát rủi ro đảm bảo tuân thủ các hạn mức trong quản trị rủi ro;
- Thực hiện báo cáo rủi ro theo quy định.

Điều 16: Hệ thống văn bản quy định nội bộ về quản trị rủi ro

Hệ thống văn bản quy định nội bộ về quản lý rủi ro của Bảo hiểm PVI bao gồm:

- Quy chế Quản trị rủi ro theo quy định tại văn bản này;
- Quy định quản lý rủi ro đối với từng rủi ro trọng yếu;
- Các văn bản quy định nội bộ khác về quản lý rủi ro theo yêu cầu của pháp luật và quy định nội bộ của Bảo hiểm PVI từng thời kỳ.

Quy định nội bộ về quản trị rủi ro có tối thiểu các nội dung sau đây:

- Xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế quản trị rủi ro;
- Xây dựng, ban hành và thực hiện hạn mức đối với từng loại rủi ro trọng yếu;
- Nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát đối với từng loại rủi ro trọng yếu;
- Cơ chế báo cáo nội bộ về quản lý rủi ro;
- Quản lý rủi ro đối với sản phẩm mới, hoạt động trên thị trường mới;
- Kiểm tra sức chịu đựng theo tính chất phù hợp của các rủi ro trọng yếu.

Điều 17: Danh mục rủi ro trọng yếu của Bảo hiểm PVI

17.1. Phân loại danh mục rủi ro Bảo hiểm PVI

Danh mục rủi ro của Bảo hiểm PVI được phân loại theo danh mục sau:

Mã danh mục	Tên danh mục	Mã nhóm	Tên nhóm
R01	Rủi ro Bảo hiểm	R01.01	Rủi ro thiên tai
		R01.02	Rủi ro phí bảo hiểm
		R01.03	Rủi ro dự phòng
R02	Rủi ro Thị trường	R02.01	Rủi ro giá cổ phiếu
		R02.02	Rủi ro lãi suất
		R02.03	Rủi ro tỷ giá hối đoái
		R02.04	Rủi ro bất động sản
		R02.05	Rủi ro tín dụng
		R02.06	Rủi ro thanh khoản
		R02.07	Rủi ro thị trường khác
R03		R03.01	Rủi ro phá sản của đối tác tái bảo hiểm

Mã danh mục	Tên danh mục	Mã nhóm	Tên nhóm
	Rủi ro Đối tác phá sản	R03.02	Rủi ro phá sản của đối tác môi giới bảo hiểm và khách hàng được bảo hiểm
		R03.03	Rủi ro phá sản của khách hàng khác
R04	Rủi ro Hoạt động	R04.01	Rủi ro gián đoạn kinh doanh
		R04.02	Rủi ro quy trình kinh doanh
		R04.03	Rủi ro tuân thủ, pháp chế và thuế
		R04.04	Rủi ro gian lận
		R04.05	Rủi ro nhân sự
		R04.06	Rủi ro rò rỉ thông tin / vi phạm bảo mật CNTT
		R04.07	Rủi ro thuê ngoài
R05	Rủi ro Chiến lược	R05.01	Rủi ro từ việc triển khai chiến lược k.doanh
		R05.02	Rủi ro thị trường và cạnh tranh
R06	Các loại rủi ro khác	R06.01	Rủi ro dự án
		R06.02	Rủi ro danh tiếng
		R06.03	Rủi ro tiềm tang
		R06.04	Rủi ro mô hình
		R06.05	Rủi ro ESG
		R06.06	Rủi ro khác

Định nghĩa về các rủi ro trọng yếu theo danh mục rủi ro nêu trên được trình bày tại Phụ lục số 01 của Quy chế này.

17.2. Xác định tính trọng yếu của rủi ro

Các rủi ro trọng yếu là các rủi ro cần được chú trọng, giám sát chặt chẽ và đưa ra biện pháp hành động, xử lý kịp thời. Các rủi ro này có thể có ảnh hưởng tài chính hoặc phi tài chính một cách trọng yếu đến hoạt động của các công ty trong hệ thống Bảo hiểm PVI. Khi đánh giá ảnh hưởng phi tài chính của rủi ro trọng yếu, cần xem xét bao gồm nhưng không giới hạn ở các khía cạnh: mục tiêu của quy trình nghiệp vụ, danh tiếng, pháp lý và nhân sự.

Điều 18: Khẩu vị rủi ro

18.1. Khẩu vị rủi ro của Bảo hiểm PVI gắn liền với chiến lược kinh doanh và đảm bảo các mục tiêu sau:

- Đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh;
- Đảm bảo xếp hạng tín nhiệm được duy trì hoặc thăng hạng so với năm trước;
- Đảm bảo biên khả năng thanh toán duy trì ở mức cao hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định của pháp luật Việt Nam;

Khẩu vị rủi ro được HĐQT Bảo hiểm PVI phê duyệt định kỳ hàng năm.

18.2. Khẩu vị rủi ro trong đó bao gồm các tuyên bố định tính và các tuyên bố định lượng:

- Tuyên bố KVRR phải phù hợp với chiến lược kinh doanh, bao quát đầy đủ các hoạt động của Bảo hiểm PVI trong ngắn, trung và dài hạn.
- Tuyên bố định lượng bao gồm tối thiểu các chỉ tiêu sau: chỉ tiêu về hiệu quả và quy mô, chỉ tiêu khẩu vị rủi ro, chỉ tiêu về thanh khoản và chỉ tiêu về xếp hạng tín nhiệm.

- Tuyên bố định tính bao gồm tối thiểu về các nội dung đảm bảo danh tiếng của Bảo hiểm PVI / PVI, tuân thủ quy định pháp luật, không chấp nhận các hành vi gian lận và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Tuyên bố KVRN được rà soát và điều chỉnh đột xuất trong các trường hợp sau: (i) Kế hoạch tài chính được thay đổi trọng yếu ảnh hưởng đến việc tuân thủ KVRN; (ii) tình hình kinh tế, hoạt động kinh doanh có thay đổi trọng yếu đòi hỏi phải điều chỉnh kế hoạch, chiến lược hoạt động của Bảo hiểm PVI; (iii) các trường hợp đột xuất khác.

Khẩu vị rủi ro phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- KVRN phải được xây dựng trên cơ sở xác định các rủi ro trọng yếu thông qua quy trình nhận diện và đánh giá rủi ro.
- KVRN là các giới hạn về mặt rủi ro để thực hiện các mục tiêu chiến lược của Bảo hiểm PVI; là cơ sở xây dựng các định mức và giới hạn trong quá trình hoạt động kinh doanh của Bảo hiểm PVI.
- Trong trường hợp phát sinh các vi phạm về KVRN của Bảo hiểm PVI, Ban KSTT&QTRN phải ngay lập tức báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý cho Ủy ban KT&QTRN để trình Hội đồng Thành viên phê duyệt.

Điều 19: Quy trình quản trị rủi ro

19.1 Nhận diện rủi ro

Bảo hiểm PVI phải thực hiện nhận diện các rủi ro trọng yếu và tương tác giữa các rủi ro này phát sinh trong hoạt động quản lý và kinh doanh đồng thời phân loại vào các danh mục rủi ro tương ứng theo quy định tại Khoản 17.1 Điều 17 trên đây. Danh sách rủi ro được nhận diện là cơ sở để Bảo hiểm PVI thực hiện đánh giá rủi ro.

Việc nhận diện rủi ro phải thực hiện ít nhất mỗi năm 1 lần và trong các trường hợp có sự thay đổi lớn trong hoạt động kinh doanh, theo đó sẽ cập nhật các rủi ro hiện tại đồng thời bổ sung các rủi ro mới phát sinh. Chức năng quản trị rủi ro đóng vai trò chủ đạo để điều phối các chức năng tuyến số 1.

19.2 Đo lường và đánh giá rủi ro

- Bảo hiểm PVI đo lường rủi ro trên cơ sở xác định tác động ngắn hạn và dài hạn của rủi ro đối với các chỉ tiêu chính trong KVRN và khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh.
- Việc đo lường rủi ro được thực hiện bằng các phương pháp, mô hình. Các phương pháp, mô hình đo lường rủi ro được kiểm tra, đánh giá định kỳ về tính chính xác và tính hợp lý theo quy định nội bộ của Bảo hiểm PVI. Các dữ liệu sử dụng trong các phương pháp, mô hình đo lường rủi ro đảm bảo độ tin cậy và khả năng kiểm tra được.
- Việc đo lường rủi ro đảm bảo kịp thời, chính xác, để theo dõi rủi ro và kiểm soát rủi ro hiệu quả.
- Mục đích của việc đo lường rủi ro là để xác định mức độ nghiêm trọng/ảnh hưởng của rủi ro, sau đó triển khai các phương án ứng phó rủi ro để duy trì rủi ro trong khuôn khổ KVRN.
 - Mức độ nghiêm trọng/ảnh hưởng của rủi ro được đo lường bằng: (1) tác động của rủi ro đến chiến lược hoặc mục tiêu kinh doanh và (2) tính không chắc chắn của chiến lược/mục tiêu kinh doanh.
 - Mức độ nghiêm trọng của rủi ro được đánh giá ở nhiều cấp độ: Cấp toàn Tổng công ty, cấp Ban / ĐVTV.

19.3 Kiểm soát và ứng phó rủi ro

Kiểm soát rủi ro là một quá trình được tích hợp vào các quy trình kinh doanh và được thực hiện ở tất cả các cấp của Bảo hiểm PVI nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro về mức mong muốn.

Ứng phó rủi ro là quá trình lựa chọn các hành động và đưa ra quyết định chấp nhận, chuyển giao, giảm thiểu, tránh và tăng thêm rủi ro khi cần thiết.

Việc giám sát và phân tích tất cả các rủi ro được xác định là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống QTRR, bao gồm:

- Đảm bảo tuân thủ KVR
- Xây dựng và quản trị hồ sơ rủi ro
- Tính toán khả năng chịu rủi ro
- Xây dựng các giới hạn /ngưỡng rủi ro
- Xác định và triển khai các phương án ứng phó rủi ro
- Tuân thủ các phương pháp và quy trình liên quan đến rủi ro.

Nhiệm vụ chính của hoạt động giám sát rủi ro là nhằm đảm bảo các hoạt động QLRR được thực hiện và hiệu quả như kế hoạch.

19.4 Báo cáo quản trị rủi ro

- Báo cáo quản trị rủi ro cung cấp thông tin có hệ thống và kịp thời về các rủi ro và ảnh hưởng tiềm tàng của chúng, cũng như đảm bảo thông tin liên lạc đầy đủ trong nội bộ công ty về tất cả các rủi ro trọng yếu.

Nội dung báo cáo bao gồm nhưng không hạn chế bởi các thông tin sau:

- Đánh giá tính tuân thủ các nội dung trong Tuyên bố KVR;
 - Báo cáo cập nhật các chỉ tiêu, thông tin về hạn mức rủi ro;
 - Đánh giá riêng biệt các loại rủi ro trọng yếu về khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng và đề xuất các biện pháp ứng phó phù hợp;
 - Các trường hợp vi phạm nghiêm trọng trong quản lý rủi ro và biện pháp xử lý.
- Thông tin chi tiết trong Báo cáo Quản trị rủi ro được bảo mật theo các quy định hiện hành về quản lý dữ liệu của Bảo hiểm PVI.
 - Ban KSTT&QTRR định kỳ hàng quý báo cáo hoạt động quản trị rủi ro với Ban điều hành, Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro và PVI. Trong trường hợp xảy ra rủi ro bất ngờ, gây hậu quả lớn, Ban KSTT&QTRR là đầu mối tập hợp thông tin và báo cáo đột xuất cho Ban điều hành, Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro và PVI để xem xét, giải quyết.

Điều 20: Văn hóa quản trị rủi ro

Bảo hiểm PVI xây dựng văn hóa quản trị rủi ro thông qua việc ban hành và thực hiện bộ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, chế độ khen thưởng, kỷ luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21: Khen thưởng

Tập thể, cá nhân thực hiện tốt hoặc có các đóng góp tích cực, hiệu quả cho Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng.

Điều 22: Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân vi phạm Quy chế này sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm, phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Bảo hiểm PVI.

Điều 23: Tổ chức thực hiện

Ngày hiệu lực thi hành Quy chế này được quy định tại Quyết định ban hành Quy chế này. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Quy chế này phải được Hội đồng Thành viên Bảo hiểm PVI thông qua và được rà soát định kỳ hàng năm.



Dương Thanh Francois

PHỤ LỤC 1

ĐỊNH NGHĨA CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

(Đính kèm và là một phần của Quy chế Quản trị rủi ro ban hành theo Quyết định số 17./QĐ-PVIBH ngày 19./...4./2025 của Hội đồng Thành viên Bảo hiểm PVI)

1. Rủi ro Bảo hiểm (Mã danh mục: R01)

Rủi ro Bảo hiểm là rủi ro phát sinh tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi về giá trị các khoản phải trả về bảo hiểm do biến động về thời gian, tần suất và mức độ nghiêm trọng của sự kiện được bảo hiểm cũng như về thời gian giải quyết bồi thường và số tiền bồi thường.

Các rủi ro trọng yếu của loại rủi ro này gồm:

- a. **Rủi ro Thiên tai (mã nhóm R01.01):** là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi với giá trị các khoản phải trả về bảo hiểm, do biến động trong thời gian, tần suất và mức độ nghiêm trọng, do một hoặc một chuỗi sự kiện thảm họa thiên nhiên gây ra.
- b. **Rủi ro Phí bảo hiểm (mã nhóm R01.02):** Rủi ro phí bảo hiểm là rủi ro tổn thất hoặc thay đổi bất lợi đối với giá trị nghĩa vụ bảo hiểm do biến động về thời gian, tần suất và mức độ nghiêm trọng của sự kiện được bảo hiểm và không do sự kiện thiên tai gây ra. Rủi ro này bao gồm rủi ro hủy hợp đồng bảo hiểm.
- c. **Rủi ro Dự phòng (mã nhóm: R01.03):** là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với giá trị các khoản phải trả về bảo hiểm ảnh hưởng đến số tiền thanh toán bồi thường và không do sự kiện thiên tai gây ra.

2. Rủi ro Thị trường (Mã danh mục: R02)

Rủi ro Thị trường là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của công ty trực tiếp hoặc gián tiếp do sự biến động về giá thị trường của tài sản, nợ phải trả và các công cụ tài chính.

Các rủi ro trọng yếu của loại rủi ro này:

- a. **Rủi ro Giá cổ phiếu và Sở hữu cổ phần (Mã nhóm: R02.01):** là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của công ty phát sinh do sự nhạy cảm về giá trị của tài sản, nợ phải trả và công cụ tài chính trước biến động giá thị trường của cổ phiếu.
- b. **Rủi ro Lãi suất (Mã nhóm: R02.02):** là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của công ty phát sinh do sự nhạy cảm của giá trị tài sản nợ phải trả và công cụ tài chính trước thay đổi về cấu trúc kỳ hạn của lãi suất hoặc mức độ biến động của lãi suất.
- c. **Rủi ro Tỷ giá hối đoái (Mã nhóm: R02.03):** là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của công ty do sự nhạy cảm của giá trị tài sản, nợ phải trả và công cụ tài chính trước những biến động của tỷ giá hối đoái.
- d. **Rủi ro Bất động sản (Mã nhóm: R02.04):** là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của công ty phát sinh do tính nhạy cảm của giá trị của tài sản, nợ phải trả và công cụ tài chính trước những thay đổi về mức giá hoặc mức biến động của giá bất động sản trên thị trường.

c. **Rủi ro Tín dụng (Mã nhóm: R02.05):** là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của công ty do thay đổi xếp hạng tín dụng của tổ chức phát hành chứng khoán, bên đối tác và bất cứ khách hàng nào đang nợ công ty liên quan đến các hợp đồng bảo hiểm và tái bảo hiểm. Rủi ro tín dụng bao gồm rủi ro đối tác phá sản, rủi ro Chênh lệch tín dụng, rủi ro Tập trung tín dụng và rủi ro Tương quan.

- *Rủi ro Đối tác phá sản:* Xem mục 2.3 dưới đây.
- *Rủi ro Chênh lệch tín dụng* là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của công ty do sự biến động của phần bù rủi ro tín dụng so với lãi suất phi rủi ro.
- *Rủi ro Tập trung tín dụng* là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của Công ty do tập trung các khoản đầu tư/phải thu quá mức vào một tổ chức phát hành chứng khoán/đối tác/khách hàng.
- *Rủi ro Tương quan* là rủi ro tổn thất về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của Công ty do có các khoản đầu tư/phải thu từ các tổ chức phát hành chứng khoán/đối tác/khách hàng có mối quan hệ kinh tế với nhau.

f. **Rủi ro Thanh khoản (Mã nhóm: R02.06):** Là rủi ro mà công ty không thể sử dụng các khoản đầu tư và các tài sản khác để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn.

g. **Rủi ro thị trường khác (Mã nhóm: R02.07):** là rủi ro không phù hợp với bất kỳ hạng mục con nào của Rủi ro thị trường được định nghĩa ở các mục a, b, c, d, e, f Điều này.

3. **Rủi ro Đối tác phá sản (Mã danh mục: R03)**

Là rủi ro tổn thất tiềm tàng về tài chính hoặc thay đổi bất lợi đối với tình hình tài chính của công ty do tình trạng bất ngờ mất khả năng thanh toán hoặc tình trạng suy yếu về khả năng thanh toán nợ của các đối tác và khách hàng theo các hợp đồng bảo hiểm và tái bảo hiểm trong vòng 12 tháng tới, trong trường hợp vẫn chưa được tính vào rủi ro tín dụng (ở mục 2.2.c.).

Các rủi ro trọng yếu của loại rủi ro này:

- a. **Rủi ro Phá sản của Nhà tái bảo hiểm (Mã nhóm: R03.01):** là rủi ro tổn thất tài chính phát sinh tình trạng bất ngờ mất khả năng thanh toán hoặc tình trạng suy yếu khả năng thanh toán của các Nhà tái bảo hiểm trong vòng 12 tháng tới.
- b. **Rủi ro Phá sản của đối tác môi giới bảo hiểm và khách hàng được bảo hiểm (Mã nhóm: R03.02):** Là rủi ro về khả năng xảy ra tổn thất tài chính phát sinh từ tình trạng bất ngờ mất khả năng thanh toán hoặc tình trạng suy yếu khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả của môi giới hoặc Người được bảo hiểm trong vòng 12 tháng tới.
- c. **Rủi ro Phá sản của khách hàng khác (Mã nhóm: R03.03):** Là rủi ro tổn thất tài chính phát sinh từ tình trạng bất ngờ mất khả năng thanh toán hoặc tình trạng suy yếu khả năng thanh toán của các đối tác khác (không phải Nhà tái bảo hiểm, Môi giới bảo hiểm và Người được bảo hiểm) trong vòng 12 tháng tới

4. **Rủi ro Hoạt động (Mã danh mục: R04)**

Rủi ro Hoạt động là rủi ro xảy ra tổn thất do các quy trình, quy định nội bộ không đầy đủ

dù hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do hệ thống công nghệ thông tin (“CNTT”) hoặc do các sự kiện bên ngoài khác. Các rủi ro trọng yếu của loại rủi ro này gồm:

- a. **Rủi ro Gián đoạn kinh doanh và hệ thống CNTT (Mã nhóm: R04.01):** là rủi ro do thiên tai hoặc con người gây ra đe dọa hoặc làm gián đoạn hoạt động kinh doanh. Rủi ro gián đoạn kinh doanh bao gồm rủi ro Lỗi hệ thống Công nghệ thông tin và rủi ro mất môi trường làm việc.

Rủi ro Hệ thống Công nghệ thông tin gián đoạn là rủi ro thiệt hại tiềm tàng hoặc gây tổn thêm chi phí gây ra do mất diện lưới hoặc các vấn đề kỹ thuật của các hệ thống này.

Rủi ro mất môi trường làm việc là rủi ro thiệt hại tiềm tàng hoặc gây tổn thêm chi phí khắc phục các tổn thất, hư hại đối với tòa nhà, các trang thiết bị lắp đặt gắn liền với tòa nhà và những hạn chế phát sinh của môi trường làm việc.

- b. **Rủi ro Quy trình kinh doanh (Mã nhóm: R04.02):** là rủi ro gây ra thiệt hại do quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, bao gồm cả chất lượng dữ liệu không đạt yêu cầu.

- **Rủi ro Quy trình nội bộ không đầy đủ:** Là rủi ro tổn thất do quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc bị sai lỗi. Rủi ro quy trình bao gồm các rủi ro chính sau:

- + Rủi ro gây ra do thiếu các bước quy trình chất lượng và thiếu chất lượng trong chính các bước thực hiện quy trình (bước thực hiện kém chất lượng do thiếu định lượng và thiếu tiêu chuẩn chất lượng)
- + Đe dọa việc thực hiện kịp thời một quy trình
- + Không hiệu quả và tiềm ẩn tỷ lệ lỗi cao
- + Rủi ro thông tin không liên quan và không chính xác

- **Rủi ro Chất lượng dữ liệu không đạt tiêu chuẩn** là rủi ro dữ liệu không đáp ứng các tiêu chí chất lượng về “tính đầy đủ” (dữ liệu phải đủ chi tiết và sâu chuỗi theo thời gian để có thể có thể dự đoán xu hướng), “tính chính xác” (dữ liệu không được chứa sai lỗi trọng yếu) và “tính phù hợp” (phù hợp với mục đích sử dụng tương ứng).

- c. **Rủi ro Tuân thủ, pháp lý và thuế (Mã nhóm: R04.03):** Nguy cơ vi phạm các quy định luật pháp, quy định và hướng dẫn nội bộ của công ty, có thể bị xử phạt bởi các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Các vấn đề tuân thủ chính sau bị đặc biệt ảnh hưởng:

- Tuân thủ quy định của pháp luật
- Phòng chống tham nhũng
- Tuân thủ chống độc quyền
- Hoạt động giao dịch kinh doanh tuân thủ các quy định của pháp luật
- Trừng phạt tài chính và cấm vận
- Phòng chống rửa tiền và phòng chống tài trợ khủng bố
- Tuân thủ đầu tư

Vi phạm tuân thủ và rủi ro thay đổi luật pháp (không chủ định) là rủi ro vi phạm pháp luật hoặc quy định và các hướng dẫn chính sách của doanh nghiệp do thiếu kiến thức, áp dụng không đầy đủ, cẩn thận hoặc phản ứng chưa kịp thời trước các

thay đổi của khung pháp lý. Rủi ro tuân thủ bao gồm các rủi ro phát sinh từ sự thay đổi các quy định pháp luật, bao gồm pháp luật về thuế.

Vi phạm tuân thủ (có chủ định) là rủi ro vi phạm pháp luật hoặc quy định và hướng dẫn chính sách doanh nghiệp, do cố tình bỏ qua các yêu cầu và quy tắc. Rủi ro này bao gồm vi phạm tuân thủ với mục đích thu lợi doanh nghiệp (chứ không phải lợi ích cá nhân).

d. Rủi ro Gian lận (Mã nhóm: R04.04):

- Rủi ro do cố ý vi phạm luật pháp hoặc nguyên tắc, quy tắc nhằm thu lợi cá nhân. Rủi ro gian lận bao gồm rủi ro gian lận nội bộ và Rủi ro gian lận bên ngoài.
- Rủi ro Gian lận nội bộ là rủi ro cố ý vi phạm bất kỳ luật hoặc nguyên tắc, quy tắc nào vì lợi ích cá nhân bởi nhân viên nội bộ nhằm thu lợi cá nhân.
- Rủi ro Gian lận bên ngoài là rủi ro bên thứ ba cố ý vi phạm bất kỳ luật hoặc nguyên tắc, quy tắc nào vì lợi ích cá nhân.

e. Rủi ro nhân sự (Mã nhóm: R04.05)

Rủi ro từ việc tận dụng nhân sự không đầy đủ hoặc hoặc quan hệ nhân sự không phù hợp, nhân sự thiếu năng lực, thiếu động lực và thiếu gắn kết giữa nhân viên và quản lý. Các loại rủi ro nhân sự chính bao gồm:

- **Rủi ro Thiếu nhân sự tạm thời:** bao gồm rủi ro do không đủ số lượng nhân viên hoặc tỷ lệ vắng mặt cao, dẫn đến không đủ nhân sự sẵn có để giải quyết khối lượng công việc yêu cầu. Điều này có thể dẫn đến hạn chế về năng lực, từ đó có tác động tiêu cực lên hoạt động (bao gồm chậm trễ trong phát triển sản phẩm, thời gian xử lý dài hơn, chất lượng dịch vụ kém hơn...)
- **Rủi ro Tuyển dụng:** mô tả rủi ro từ việc tuyển dụng nhân viên không phù hợp. Tuyển dụng sai nhân viên có thể nhanh chóng dẫn đến tổn thất chi phí cho công ty như chi phí tiền lương, chi phí quảng cáo tuyển dụng, mất thời gian làm việc cho việc quản lý ứng tuyển, chi phí trả cho bên được thuê tìm kiếm ứng viên, hiệu suất lao động bị giảm trong quá trình đào tạo...
- **Rủi ro Thích ứng:** mô tả rủi ro do việc nhân viên không phù hợp hoặc không đủ trình độ hoặc không thể thích ứng với thay đổi cần thiết.
- **Rủi ro Nhân viên nghỉ việc:** mô tả các rủi ro như việc xuất hiện các nhân viên hoặc nhóm nhân viên quan trọng nghỉ việc, cùng với việc quy trình không được ghi chép lại đầy đủ. Tình huống bất lợi có thể phát sinh khi toàn bộ nhóm nhân viên quan trọng với các kỹ năng khó có thể thay thế cùng rời khỏi công ty một lúc (ví dụ: toàn bộ đội ngũ chuyển sang một công ty đối thủ).
- **Rủi ro Động lực:** mô tả rủi ro từ tình trạng việc nhân viên không còn đáp ứng hiệu suất theo kế hoạch. Lý do cho việc này có thể là mục tiêu không rõ ràng, quá tải công việc, “tự mình tách biệt” do bất mãn cá nhân, thay đổi tổ chức sắp diễn ra hoặc tâm lý bất an do có thể mất việc.

f. Rủi ro Rò rỉ thông tin / Vi phạm bảo mật CNTT (Mã nhóm: R04.06): là rủi ro có thể đe dọa đến tính bảo mật, khả dụng và toàn vẹn của dữ liệu, thông tin và hệ thống CNTT. Rủi ro vi phạm bảo mật CNTT cũng bao gồm rủi ro an ninh mạng.

g. Rủi ro Thuê ngoài (Mã nhóm: R04.07): là Rủi ro phát sinh khi thay vì tự thực hiện, Công ty thuê ngoài các chức năng hoặc các hoạt động bảo hiểm/tái bảo hiểm

trực tiếp hay thuê ngoài thứ cấp, vốn có thể được công ty tự mình thực hiện. Phân biệt giữa thuê ngoài các nhiệm vụ thuộc chuỗi tạo ra giá trị và thuê ngoài bán hàng hay dịch vụ phân phối.

- *Cung cấp dịch vụ không đầy đủ*: Là rủi ro phát sinh từ việc thực hiện công việc của đối tác cung cấp dịch vụ thuê ngoài không đáp ứng yêu cầu đề ra (ngoại trừ dịch vụ bán hàng).
- *Kênh phân phối không đầy đủ*: Là rủi ro phát sinh từ tình trạng kênh phân phối bên ngoài không đầy đủ.

5. Rủi ro Chiến lược (Mã danh mục: R05)

Rủi ro Chiến lược là rủi ro từ các quyết định kinh doanh chiến lược. Loại hình rủi ro này cũng bao gồm rủi ro phát sinh do việc các quyết định kinh doanh không được sửa đổi để phù hợp với môi trường kinh tế thay đổi. Thông thường, rủi ro chiến lược là rủi ro phát sinh có liên quan đến các rủi ro khác. Tuy nhiên, loại hình rủi ro này cũng có thể phát sinh như một rủi ro đơn lẻ. Các rủi ro trọng yếu của loại rủi ro này gồm:

- a. **Rủi ro từ việc triển khai chiến lược kinh doanh (Mã nhóm: R05.01)**: là rủi ro do triển khai chiến lược kinh doanh thiếu sót/ không đầy đủ. Rủi ro từ việc triển khai chiến lược kinh doanh có thể phát sinh cùng với các rủi ro khác, nhưng cũng có thể như một rủi ro đơn lẻ
- b. **Rủi ro từ thị trường & cạnh tranh (Mã nhóm: R05.02)**: là rủi ro thay đổi trong cấu trúc thị trường, diễn biến bất lợi trong môi trường thị trường trực tiếp (công ty, khách hàng và các đối thủ cạnh tranh) và môi trường kinh doanh chung (kinh tế vĩ mô, công nghệ, chính trị và pháp luật, văn hóa và xã hội) cũng như mất thị phần và rủi ro bán hàng.

6. Các loại rủi ro khác (Mã danh mục: R06)

Các rủi ro trọng yếu của loại rủi ro này gồm:

- a. **Rủi ro Dự án (Mã nhóm: R06.01)**: là rủi ro đe dọa quá trình dự kiến hoặc việc hoàn thành các mục tiêu của dự án hoặc chương trình (bao gồm các dự án và chương trình liên quan đến chiến lược hoặc đến CNTT).
- b. **Rủi ro Danh tiếng (Mã nhóm: R06.02)**: là rủi ro phát sinh từ khả năng gây tổn hại cho danh tiếng của một doanh nghiệp do nhận thức tiêu cực của công chúng (ví dụ: của các khách hàng, đối tác kinh doanh, cổ đông, cơ quan quản lý).
Rủi ro Danh tiếng thường phát sinh cùng với các rủi ro khác, nhưng cũng có thể phát sinh như một rủi ro đơn lẻ.
- c. **Rủi ro Tiềm tàng (Mã nhóm: R06.03)**: là rủi ro trong tương lai, với nội dung chưa thể biết rõ và khó đánh giá tác động.
- d. **Rủi ro mô hình (Mã nhóm: R06.04)**: là rủi ro từ các quyết định sai lầm do sự không chắc chắn gây ra bởi thiếu một phần hoặc toàn bộ thông tin liên quan đến sự hiểu biết hoặc kiến thức về một sự kiện, hệ quả và khả năng xảy ra của sự kiện đó.

Thuật ngữ “Lập mô hình” trong bối cảnh này gồm các phương pháp, cách thức và quy trình định lượng, trong đó áp dụng các lý thuyết, kỹ thuật và các giả định thống kê, kinh tế, tài chính hoặc toán học để xử lý dữ liệu đầu vào. (dữ liệu định

tính hay số liệu ước tính của chuyên gia) nhằm ước tính các đầu ra dưới dạng định lượng.

Mặt khác, các rủi ro Lập mô hình cũng bao gồm rủi ro từ các quá trình định tính tạo thành mô hình theo nghĩa rộng hơn, trừ khi đã được quy định trong một hạng mục rủi ro khác.

Các nguyên nhân có thể xảy ra đối với rủi ro Lập mô hình:

- Mô hình có sai sót đáng kể và nó đưa ra kết quả không chính xác so với ứng dụng đề xuất
- Việc đơn giản hóa và ước tính làm ảnh hưởng đến tính toàn vẹn và sự tin cậy của tính toán
- Mô hình được sử dụng không đúng cách hoặc không phù hợp
- Xác nhận không đầy đủ

Hạng mục rủi ro này không gồm bất cứ rủi ro chất lượng dữ liệu nào, vốn là một phần của rủi ro quy trình kinh doanh.

e. **Rủi ro ESG (Mã nhóm: R06.05):** Rủi ro ESG là rủi ro phát sinh từ những sự kiện hay yếu tố liên quan đến môi trường (E), xã hội (S) và quản trị công ty (G) mà có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị tài sản, tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Bảo hiểm PVI.

- Khía cạnh môi trường bao gồm giảm thiểu và thích nghi với các biến đổi của khí hậu, bảo tồn sự đa dạng sinh học, sử dụng bền vững và bảo vệ nguồn nước, chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn, ngăn ngừa và tái chế chất thải, ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ hệ sinh thái và sử dụng tài nguyên đất bền vững.
- Khía cạnh xã hội bao gồm việc tuân thủ các tiêu chuẩn được ban hành bởi các văn bản luật hoặc được chấp nhận rộng rãi liên quan đến lao động (không sử dụng lao động trẻ em hoặc lao động cưỡng bức, không phân biệt đối xử) và tuân thủ quy định về sức khỏe và an toàn lao động. Ngoài ra còn bao gồm chế độ thu nhập phù hợp, đảm bảo sự công bằng tại nơi làm việc, bảo đảm cơ hội đào tạo và tự do thành lập/gia nhập công đoàn và hội hợp, đảm bảo cung cấp sản phẩm an toàn và bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng, cần phải cân nhắc các yêu cầu của cộng đồng và các nhóm thiểu số trong xã hội, và sự trung thực về nghĩa vụ thuế.
- Khía cạnh quản trị doanh nghiệp bao gồm các biện pháp ngăn ngừa tham nhũng, quản lý bền vững bởi Ban Điều hành và Kiểm soát viên, thù lao của Ban Điều hành gắn liền với kết quả đạt được về phát triển bền vững, tạo điều kiện cho việc tố cáo sai phạm, đảm bảo các quyền của người lao động, bảo vệ dữ liệu và công bố thông tin minh bạch.

f. **Rủi ro khác (Mã nhóm: R06.06):** là rủi ro không giống với bất kỳ hạng mục rủi ro nào được mô tả ở trên.